

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 03 tháng 02 năm 2021
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Làng B, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21-5-2003 tại xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống với nhau đến năm 2006 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc hay cãi nhau, ông T thường hay uống rượu về rồi đánh đập bà H. Vợ chồng đã ly thân trong năm 2009 đến năm 2010, sau đó thì lại quay về đoàn tụ. Đến tháng 2-2018 thì vợ chồng chính thức ly thân và không tiếp tục chung sống đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 06-02-2004, Nguyễn Thị Q, sinh ngày 13-01-2007 và Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 03-02-2008. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả 03 con đều do ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà H đồng ý giao cả 03 con cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông T là 600.000 đồng/con//tháng. Bà H đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Q và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị H có tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2004 thì vợ chồng chuyển đến sống tại làng Út 1, xã Ia Hrun, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau nguyên nhân do bà H ghen tuông vô cớ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ nên ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 06-02-2004, Nguyễn Thị Q, sinh ngày 13-01-2007 và Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 03-02-2008. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả 03 con đều do ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ly hôn, ông T đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng/con//tháng.

Về chia tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Chứng minh nhân dân của bà Phan Thị H; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai, đơn trình bày, đơn xin vắng mặt của bà Phan Thị H; Bản tự khai của ông Nguyễn Văn T; Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh H1, cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Tuấn S; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Văn T; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thanh H1, cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Tuấn S.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, cho ly hôn giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T; Về con chung, giao cả 03 con cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, buộc bà Phan Thị H cấp dưỡng nuôi con mức 600.000 đồng/con/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 21-5-2003 tại xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi nhau, đã sống ly thân từ tháng năm 2018 đến nay, bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn và ông Nguyễn Văn T cũng đồng ý. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 06-02- 2004, Nguyễn Thị Q, sinh ngày 13-01-2007 và Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 03-02-2008. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả 03 con đều do ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Phan Thị H yêu cầu giao cả 03 con chung cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tại đơn trình bày ngày 29-12-2020 bà H có thay đổi yêu cầu, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Q nhưng không được ông Nguyễn Văn T đồng ý và xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Q thì nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với bố nên Hội đồng xét không chấp nhận đề nghị này. Do các con đều đang sống ổn định cùng ông Nguyễn Văn T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, giao cả 03 con chung cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự thống nhất của bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T về mức cấp dưỡng, buộc bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 600.000 đồng/con/tháng.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung của bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T là cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 06-02-2004, Nguyễn Thị Q, sinh ngày 13-01-2007 và Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 03-02-2008 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc bà Phan Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 06-02-2004, Nguyễn Thị Q, sinh ngày 13-01-2007 và Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 03-02-2008 với mức 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng)/con/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Văn T là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Tuấn S.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011701 ngày 27-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà Phan Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính